

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2021
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Hoàng G, sinh năm 1974 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 8 (nay là thôn 3), xã A, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thanh T, sinh năm 1975 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

ĐKTT: ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Hoàng G trình bày:

Ông và bà T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 04/12/2008. Thời gian

đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến hay cự cãi với nhau. Ông và bà T đã sống ly thân từ khoảng tháng 03 năm 2015 cho đến nay, nhưng vợ chồng không có hàn gắn tình cảm lại được với nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thanh T.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Theo đơn xin trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thanh T trình bày:

Bà và ông G kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 04/12/2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được. Bà và ông G đã sống ly thân cách nay khoảng 06 (sáu) năm, trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có thiện ý hàn gắn tình cảm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông G yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Võ Hoàng G.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Võ Hoàng G và bà Trần Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G và bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/12/2008 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không hòa hợp được với nhau. Ông G và bà T đã ly thân từ khoảng tháng 03 năm 2015 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn tình cảm được, ông G yêu cầu ly hôn thì bà T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với ông G. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông G và bà T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó ông G yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Hoàng G phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Võ Hoàng G được ly hôn với bà Trần Thanh T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 04/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Hoàng G phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000447 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí ông G đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (Ba Tri, Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Long